TÒA ÁN N DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:11 /2019/ HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 05 năm 2019
V/v tranh chấp xin ly hôn

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU- TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Tăng Trần Quỳnh Phương**

Các hội thẩm N dân:

1- Ông **Lê Tuấn Kiệt**.

2- Bà **Dư Thị Út**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Nhung**, *Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu*.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Lý Thể Dung** – Kiểm sát viên.

Vào ngày 03 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị P**, sinh năm 1970.
Trú tại: Số A, khóm H, phường B, thành phố S, tỉnh Bạc Liêu.
Bị đơn: Ông **Huỳnh Thanh T**, sinh năm 1970.
Trú tại: Số A, khóm H, phường B, thành phố S , tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2018, quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay bà Trương Thị P là nguyên đơn trong vụ án trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Thanh T đã từng ra Tòa ly hôn vào năm 2005 sau đó năm 2007 có đăng kí kết hôn lần hai. Vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính tình. Nay xét thấy cuộc sống hôn N không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: Quá trình chung bà và ông T có 04 con chung là Huỳnh Thanh N-SN 1989, Huỳnh Thị Thanh M-SN 1994, Huỳnh Bảo V-SN 20/07/2007, Huỳnh Anh

K-SN 07/03/2009. Đối với 02 cháu N, M đã đủ tuổi trưởng thành, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên bà không có yêu cầu gì. Đối với cháu V, cháu K, khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng nuôi con và đồng ý giao cháu K cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện tại cháu V, cháu K đang sống cùng bà và ông T.

- Về tài sản chung: Bà P và ông T thống nhất tự thỏa thuận về vấn đề tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống bà P và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ kiện, ông Huỳnh Thanh T là bị đơn trình bày:

-Về hôn N: Năm 2007 ông và bà Trương Thị P có đăng kí kết hôn lần hai. Quá trình vợ chồng chung sống không phát sinh mâu thuẫn gì trầm trọng. Nay đối với việc bà P yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

-Về con chung: Quá trình chung ông và bà P có 04 con chung là Huỳnh Thanh N-SN 1989, Huỳnh Thị Thanh M-SN 1994, Huỳnh Bảo V-SN 20/07/2007, Huỳnh Anh K-SN 07/03/2009. Trường hợp nếu phải ly hôn, đối với 02 cháu N, M đã đủ tuổi trưởng thành, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên ông không có yêu cầu gì. Đối với cháu V, cháu K, nếu ly hôn yêu cầu mỗi người nuôi một cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông và bà P thống nhất tự thỏa thuận về vấn đề tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Trong thời gian chung sống ông và bà P không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:*

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng, Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Năm 2005 do mâu thuẫn vợ chồng nên bà P có nộp đơn ly hôn và Tòa án nhân dân thị xã Bạc Liêu (nay là thành phố Bạc Liêu) đã ra quyết định thuận tình ly hôn số 07/TL-QĐ ngày 12/05/2005.Đến năm 2007 bà P, ông T có đăng kí kết hôn lần hai nên quan hệ hôn N của bà P, ông T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà P xác định giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau nên yêu cầu ly hôn nhưng ông T không đồng ý. Thấy rằng, giữa bà P, ông T đã từng có thời gian ly hôn sau đó kết hôn lại nhưng hai bên vẫn phát sinh mâu thuẫn. Điều này cho thấy tình trạng hôn N giữa hai người đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà P xin ly hôn với ông T.

+ Về con chung: Giao cháu Huỳnh Bảo V-SN 20/07/2007 cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Huỳnh Anh K-SN 07/03/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà P, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

+ Về tài sản chung: Bà P, ông T thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

+ Về nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đương sự; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là bà P kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông T nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là ông T có địa chỉ tại khóm 2, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông T có yêu cầu xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp

[3] Về nội dung vụ kiện:

[3.1] Về hôn nhân: Năm 2007 bà P và ông T tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng kí kết hôn theo qui định pháp luật nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Xét việc bà P yêu cầu ly hôn cũng như việc ông T không đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng bà P xác định vợ chồng mâu thuẫn về mặt tính tình dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc từ nhiều năm nay. Thực tế là năm 2005 bà P và ông T đã từng thuận tình ly hôn sau đó kết hôn lại. Từ đó, có thể thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà P, ông T là có xảy ra trên thực tế và không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P, xử cho bà P được ly hôn với ông T.

[3.2] Về con chung: Ông T, bà P thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà có 04 con chung là Huỳnh Thanh N-SN 1989, Huỳnh Thị Thanh M-SN 1994, Huỳnh Bảo V-SN 20/07/2007, Huỳnh Anh K-SN 07/03/2009. Trường hợp nếu phải ly hôn, đối với 02 cháu N, M đã đủ tuổi trưởng thành, đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên ông T, bà P không có yêu cầu gì. Đối với cháu V, cháu K, bà P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V đồng ý giao cháu K cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; nếu ly hôn ông T yêu cầu mỗi người nuôi một cháu. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự, phù hợp qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao cháu V cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu K cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo

dục. Bà P, ông T không yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con nên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông T, bà P thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông T, bà P thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà P yêu cầu ly hôn với ông T nên bà P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Xử cho bà Trương Thị P được ly hôn với ông Huỳnh Thanh T.

2/. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Bảo V-SN 20/07/2007 cho bà Trương Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Huỳnh Anh K-SN 07/03/2009 cho ông Huỳnh Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục (hiện cháu V, cháu K đang sống cùng bà P, ông T). Bà P, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Bà P, ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Đối với có 02 con chung là Huỳnh Thanh N-SN 1989, Huỳnh Thị Thanh M-SN 1994 đều đã đủ tuổi trưởng thành có đủ khả năng lao động tự nuôi sống bản thân nên ông T và bà P không có yêu cầu gì khi ly hôn.

3/. Về tài sản chung: Bà P, ông T thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

4/. Về nợ: Không có.

5/. Về án phí: Bà Trương Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà P đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0000221 ngày 27 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, nay được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Tăng Trần Quỳnh Phương

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP.Bạc Liêu;
- THA TP.bạc Liêu;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng kí kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.